

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 02 NĂM 2021

THÁNG 02 NĂM 2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 01/02 đến 24/02/2021
- 5 Tháo gỡ khó khăn trong việc tiêu thụ hàng nông sản trước ảnh hưởng của dịch Covid-19
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ghi nhận tín hiệu tích cực trong 2 tháng đầu năm 2021
- 10 Hiệp định UKVFTA mở ra cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Anh
- 14 Nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đã tìm được chỗ đứng tại thị trường Hàn Quốc
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 18 Bắc Giang thành công trong xây dựng thương hiệu nông sản, hướng tới xuất khẩu
- 20 Mời doanh nghiệp Việt Nam gửi hàng tham dự Triển lãm FOODEX Japan 2021
- 20 Công ty Nhật Bản cần nhập khẩu ớt đông lạnh
- 20 Công ty Nhật Bản tìm kiếm doanh nghiệp Việt Nam cung cấp nguyên liệu cá đuối phi lê
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 21 Phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đến năm 2030
- 22 Áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời đối với đường mía có xuất xứ Thái Lan
- 23 Campuchia hủy lệnh cấm nhập khẩu 4 loại cá da trơn
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Thị trường nông sản thế giới tiếp tục khởi sắc
- 25 Nhu cầu hàng nông, lâm, thủy sản của Nam Phi vẫn lớn
- 28 **TIN VĂN**

TỔNG QUAN

Tại thị trường trong nước, mặc dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến rất phức tạp và bùng phát trở lại tại một số địa phương trên cả nước, nhưng nhìn chung giá nhiều mặt hàng nông, thủy sản trong tháng 2/2021 vẫn ghi nhận xu hướng tăng do nhu cầu tiêu thụ trước và sau dịp Tết Nguyên Đán ở mức cao. Tính đến ngày 24/2/2021, giá gạo nguyên liệu IR 504 ở mức 10.300 đ/kg, tăng 2% so với tuần giữa tháng 1/2021; giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên đạt 32.900 đ/kg, tăng 2,8%; giá hạt tiêu nhân xô đạt 53.500 đ/kg, tăng 0,9%... Tuy nhiên, hoạt động mua bán cá tra trong tháng 2/2021 tương đối cầm chừng trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc gặp khó do khâu kiểm dịch Covid-19. Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 giảm 1.000 đ/kg (tương đương giảm 4,8%) so với tháng 01/2021, xuống còn 20.000 đ/kg.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 2/2021 ước đạt 2,68 tỷ USD, giảm 24,5% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng này, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đã "chững lại" do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán cộng với ảnh hưởng bởi

diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và tình trạng thiếu hụt container rỗng. Như vậy, tính chung trong 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 6,22 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, rau quả, sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ ghi nhận tốc độ tăng trưởng khả quan trong 2 tháng liên tiếp, trong khi xuất khẩu gạo giảm mạnh.

Đáng chú ý, xuất khẩu cao su đã có sự bứt phá mạnh mẽ với kim ngạch xuất khẩu tăng tới 130% trong tháng 1/2021 và tiếp tục tăng 86,2% trong tháng 2/2021 so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm 2021 lên khoảng 516 triệu USD, lượng xuất khẩu đạt 320 nghìn tấn, tăng 89,9% về lượng và 109,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Trong thời gian tới, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đều có nhiều triển vọng tăng trưởng khả quan nhờ được hưởng lợi bởi các FTA đã được ký kết và có hiệu lực, đặc biệt là từ 2 FTA mới nhất là EVFTA (có hiệu lực từ tháng 1/8/2020) và UKVFTA (có hiệu lực từ 31/12/2020).

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đến năm 2030. Đề án đặt ra mục tiêu giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đạt khoảng 60 - 62 tỷ USD vào năm 2030. Mục tiêu chung của đề án đến năm 2030 là thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, tham gia toàn diện và bền vững vào chuỗi cung ứng nông, lâm, thủy sản, thực phẩm toàn cầu; nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam nhằm đáp ứng được các quy định của các thị trường nhập khẩu...
- ▶ Dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương trong thời gian qua khiến hoạt động tiêu thụ, vận chuyển nông sản gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người nông dân, đặc biệt là tại tỉnh Hải Dương, đồng thời có thể làm ảnh hưởng tới kết quả xuất khẩu nông sản trong tháng tới.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG KỶ TỪ NGÀY 01/02 ĐẾN 24/02/2021



Trong kỳ từ ngày 01/02 đến 24/02/2021, thị trường nông, lâm, thủy sản trong nước tiếp tục biến động trái chiều do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán Tân Sửu.

+ Mặt hàng gạo: Giá lúa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhìn chung ít biến động trong thời điểm trước và sau Tết Nguyên Đán. Cụ thể, tại An Giang, giá lúa OM 0577, OM 9582 tính đến ngày 24/02/2021 ổn định ở mức 7.000 đ/kg; lúa Jasmine đạt 7.000 đ/kg; OM 9577 và OM 9582 đạt 6.900 đ/kg; nếp khô đạt 7.900 đ/kg; OM 6976 đạt 7.050 đ/kg; IR 504 ở mức 7.000 đ/kg, tăng 100 đ/kg so với tháng 01/2021; Đài thơm 8 đạt 7.100 đ/kg, giảm 200 đ/kg; OM 5451 đạt 7.000 đ/kg, tăng 100 đ/kg. Với mặt hàng gạo, giá gạo nguyên liệu IR 504 ở mức 10.300 đ/kg, tăng 200 đ/kg; gạo nguyên liệu OM 5451 và OM 18 ổn định ở mức 10.450 đ/kg; gạo thành phẩm xuất khẩu TP IR 504 ở mức 11.300 đ/kg, giảm 100 đ/kg.

Thu hoạch lúa Đông Xuân dự kiến sẽ đạt đỉnh vào giữa tháng 3/2021 và giá lúa sẽ vẫn duy trì ở mức cao do không thu hoạch đồng loạt nên khi vào chính vụ nguồn cung lúa sẽ không dồi dào như các năm trước.

Trên thị trường thế giới, giá chào bán gạo 5% tấm của Việt Nam đứng ở mức

505 - 510 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với ngày 18/01/2021.

+ Mặt hàng cà phê: Kết thúc phiên giao dịch ngày 24/02/2021, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên đạt 32.900 đ/kg, tăng 900 đ/kg so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021. Nhiều địa phương đã kết thúc thời gian thu hoạch vụ mới, với sản lượng dự báo giảm so với niên vụ trước. Tâm lý bán hàng đầu vụ đang gây sức ép lên giá cà phê, nhưng thị trường được hỗ trợ bởi lượng container rỗng đang dần cải thiện và giá cước tàu biển đã giảm nhẹ. Đồng thời, nền kinh tế châu Âu đang dần hồi phục sau dịch, cộng với Hiệp định EVFTA được kỳ vọng giúp giá cà phê khởi sắc hơn trong thời gian tới.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Tại các tỉnh Tây Nguyên, giá hạt tiêu nhân xô tăng 500 đ/kg so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021 lên mức 53.500 đ/kg. Giá hạt tiêu có triển vọng tăng trong những tuần tới do các nhà đầu tư tăng mua vào trước thông tin sản lượng hạt tiêu năm nay giảm mạnh.

+ Sắn và sản phẩm sắn: Giá sắn lát trừ độ bột 30% tính đến ngày 24/02/2021 ở mức cao 2.750 - 3.400 đ/kg trong bối cảnh nguồn cung sản lượng tinh bột sắn giảm mạnh. Hiện nay, hầu hết các nhà máy chế biến sắn tại Việt Nam trong tình trạng thiếu nguyên liệu. Giá tinh bột sắn và giá ngô tăng mạnh khiến nhiều nhà máy Trung Quốc ưu tiên sử dụng sắn lát nghiền.

+ Mặt hàng thủy sản: Các hoạt động giao dịch cá tra trong tháng 02/2021 tương đối trầm lắng do kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, giao dịch với thị trường Trung Quốc cũng gặp trở ngại do khâu kiểm dịch Covid-19. Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 giảm 1.000 đ/kg so với tháng 01/2021, xuống còn 20.000 đ/kg trong tháng

02/2021. Trong khi đó, thị trường tôm lại khá sôi động do nhu cầu của người dân trong nước tăng mạnh vào dịp Tết Nguyên Đán, trong khi nguồn cung hạn chế. Tại Đồng Tháp, giá tôm càng xanh (loại 15 – 25 con/kg) tăng 40.000 đ/kg lên mức 260.000 đ/kg.

+ Mặt hàng cao su: Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh ổn định, trong khi giá thu mua cao su của

Tổng Công ty Cao su Đồng Nai lại tăng so với tháng 01/2021. Cụ thể, giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai tăng 300 - 400 đ/kg lên mức 37.200 đ/kg đối với mủ nước tại vườn và 8.100 – 11.900 đ/kg đối với các loại mủ cao chén và mủ đông. Giá cao su dự báo tăng trong ngắn hạn do cây cao su bước vào mùa thu hoạch thấp (từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm), trong khi nhu cầu thế giới vẫn ở mức cao, đặc biệt tại thị trường Trung Quốc.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 24/02/2021

Tên hàng	Ngày 24/02/2021 (đ/kg)	So với ngày 18/01/2021 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504	10.300	2,0	53,0
Gạo thành phẩm IR 504	11.300	-0,9	50,7
Tấm gạo IR 504	9.900	-2,0	54,7
Cám vàng	7.250	1,4	51,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	32.900	2,8	2,5
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	32.000	0,0	
Điều W240	30.000	0,0	
Điều W 320	33.000	0,0	
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	53.500	0,9	27,4
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.750		27,9
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Ninh	3.400		23,6
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền Bắc (mua xô)	2.800		60,0
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	20.000	-4,8	-4,8
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25con/kg)	260.000	18,2	13,0
Cá ngừ vẫn tại Đà Nẵng	55.000	10,0	-21,4
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	180.000	28,6	28,6
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	220.000	-8,3	-31,3
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	125.000	4,2	4,2
Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai			
Loại 1 (đ/độ TSC)	344	1,2	14,7
Loại 2 (đ/độ TSC)	337	1,2	13,5
Mủ nước tại vườn	37.200	1,1	14,8
Mủ chén dây khô	11.900	2,6	-4,8
Mủ chén dây vừa	10.900	2,8	-5,2
Mủ đông khô	9.700	3,2	-5,8
Mủ đông vừa	8.100	3,8	-6,9
Mủ dây khô	11.300	2,7	-5,0
Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh			
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	330	0,0	15,0
Mủ cao su nước tại nhà máy (đ/độ TSC)	335	0,0	14,7
Mủ chén, dây khô	12.200	0,0	-0,8
Mủ chén ướt	8.500	0,0	0,0
Mủ đông khô	11.000	0,0	-0,9
Mủ đông ướt	8.900	0,0	-1,1

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

THÁO GỠ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC TIÊU THỤ HÀNG NÔNG SẢN TRƯỚC ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19

Từ cuối tháng 1, đầu tháng 2/2021 đến nay, dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước đã khiến hoạt động tiêu thụ, vận chuyển nông sản gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân, nhất là trong bối cảnh đây là giai đoạn trước và sau Tết Nguyên Đán – thời điểm sản lượng hàng hóa được cung ứng rất dồi dào và nhu cầu tiêu thụ thường ở mức cao nhất trong năm.

Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương, tính đến giữa tháng 2/2021, trên địa bàn tỉnh còn 4.087 ha rau vụ đông đang đến kỳ thu hoạch. Trong đó, có 3.205 ha hành, 621 ha cà rốt và 261 ha cải bắp, su hào, su lơ, rau ăn lá. Sản lượng ước tính khoảng 90.767 tấn, trong đó sản lượng hành chiếm hơn 61%. Theo kế hoạch, khoảng 90% số cà rốt và 30% số rau bắp cải, su hào, su lơ, rau ăn lá của tỉnh được xuất khẩu, còn lại được tiêu thụ nội địa và dự kiến đến cuối tháng 2/2021, phần lớn lượng nông sản này sẽ xuất khẩu qua cảng Hải Phòng đến các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan... theo hợp đồng các doanh nghiệp đã ký với đối tác nước ngoài và đặt lịch tàu biển.

Tuy nhiên, do dịch Covid-19 bùng phát tại Hải Dương và nhất là trong bối cảnh toàn tỉnh Hải Dương đã tiến hành cách ly xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính

phủ từ ngày 16/2/2021, việc vận chuyển hàng hóa từ Hải Dương đến cảng Hải Phòng đang gặp rất nhiều khó khăn do các yêu cầu khắt khe về kiểm dịch hàng hóa cũng như yêu cầu về phòng, chống dịch cho người và phương tiện. Trong khi đó, hoạt động thu mua, vận chuyển, tiêu thụ nông sản Hải Dương tới nhiều địa phương khác cũng bị ách tắc khi các thương lái gặp nhiều trở ngại trong việc vận chuyển nông sản do quy định phòng chống dịch tại nhiều địa phương giáp với Hải Dương.

Cùng với Hải Dương, tại một số địa phương khác xuất hiện ca nhiễm dịch bệnh Covid-19 trong cộng đồng như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Hưng Yên..., hoạt động tiêu thụ nông sản tới một số thị trường truyền thống cũng bị sụt giảm, diện tích kho bảo quản lạnh hạn chế, nhiều sản phẩm đứng trước nguy cơ dư thừa, giá giảm. Trong khi đó, việc đi lại, vận chuyển hàng hoá trong vùng dịch bị giãn cách rất khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống của nông dân tại nhiều địa phương.

Trước yêu cầu cấp bách về tiêu thụ nông sản, UBND tỉnh Hải Dương đã có văn bản đề nghị các tỉnh, thành phố lân cận như Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội... tạo điều kiện để nông sản của tỉnh được vận chuyển sang tiêu thụ. Ngoài ra, tỉnh cũng thực hiện hàng loạt biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ nội địa. Tại Quảng Ninh, tỉnh đã chỉ đạo ngành Công Thương phối hợp các địa phương bố trí điểm bán hàng nhằm hỗ trợ các đơn vị tiêu thụ sản phẩm, đồng thời tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Người Quảng Ninh ưu tiên sử dụng hàng hóa, dịch vụ được



sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh". Đồng thời, tỉnh cũng thực hiện nhiều biện pháp, bảo đảm hàng hóa lưu thông đến được với người tiêu dùng khi thực hiện giãn cách xã hội, tránh tình trạng khan hiếm và tăng giá lương thực, thực phẩm.

Các cơ quan quản lý nỗ lực tháo gỡ khó khăn trong việc tiêu thụ hàng nông sản

Trước tình hình một số địa phương khó tiêu thụ nông sản vì dịch Covid-19, để bảo đảm mục tiêu kép vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ và các bộ ngành cũng đã và đang tích cực tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là hoạt động lưu thông, tiêu thụ nông sản cho các địa phương vùng dịch.

Để hỗ trợ lưu thông hàng hóa trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, Bộ Công Thương đã yêu cầu các địa phương và hệ thống phân phối thực hiện việc đảm bảo lưu thông hàng hóa và đẩy mạnh tiêu thụ nông sản, thủy sản để ứng phó với dịch bệnh. Trong đó, chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan chức năng của địa phương tổ chức đánh giá diện tích, sản lượng, thời vụ thu hoạch; dự trữ các mặt hàng thiết yếu của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, phân phối trên địa bàn để huy động khi cần thiết. Đồng thời, Bộ Công Thương đã đẩy mạnh, triển khai các hoạt động kết nối các doanh nghiệp phân phối lớn phối hợp với các địa phương trong vùng dịch đang gặp khó khăn trong tiêu thụ nông sản nhằm thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng có sản lượng lớn, nhất là các địa phương đã thu hoạch nhưng gặp khó khăn về thị trường như Hải Dương. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng đã làm việc với các đơn vị chức năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và doanh nghiệp để bàn giải pháp tháo gỡ khó khăn, loại bỏ tâm lý e dè của người tiêu dùng đối với

hàng hóa nông sản thực phẩm có nguồn gốc xuất xứ từ vùng đang có dịch. Riêng đối với Hải Dương, Bộ Công Thương đã có văn bản gửi Sở Công Thương các tỉnh, thành phố đề nghị hỗ trợ đẩy mạnh lưu thông, tiêu thụ hàng hóa của Hải Dương.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số vướng mắc, khó khăn trong việc lưu thông hàng hóa, tiêu thụ nông sản của một số địa phương vùng dịch, đặc biệt là tỉnh Hải Dương. Trên thực tế, hầu hết các chốt, trạm kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại cửa ngõ ra vào các tỉnh, thành phố lân cận đều hạn chế xe hàng hóa ra vào Hải Dương. Điều này dẫn đến thực tế là hàng hóa bị ách tắc, nông sản bị hư hỏng và đặc biệt là hàng xuất khẩu đến hạn phải giao hàng nhưng không chuyển được, gây thiệt hại rất lớn.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, việc phòng, chống là hết sức cần thiết nhưng các địa phương cũng nên cân nhắc, tính toán đến việc linh hoạt lưu thông hàng hóa cho các vùng lân cận đang chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn, triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ lưu thông hàng hóa, đảm bảo các phương tiện vận chuyển hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, không để tình trạng "ngăn sông cấm chợ" diễn ra trên địa bàn. Bên cạnh đó, cũng cần có sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc hướng dẫn, xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại trong việc triển khai tiêu thụ và lưu thông đối với hàng nông sản giữa địa phương có dịch với các địa phương khác; hướng dẫn quy trình sản xuất đủ điều kiện lưu thông phân phối tại thị trường trong nước và xuất khẩu. Với hàng loạt biện pháp đã và đang được triển khai và nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, kỳ vọng các địa phương sẽ sớm có giải pháp chung hiệu quả nhất để hoạt động tiêu thụ hàng nông sản tại các địa phương vùng dịch thuận lợi hơn.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN GHI NHẬN TÍN HIỆU TÍCH CỰC TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2021



Sau khi đạt tốc độ tăng trưởng bứt phá trong tháng 1/2021 với mức tăng tới 41,9% so với cùng kỳ năm trước lên 3,55 tỷ USD, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 2/2021 đã “chững lại” do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán cộng với ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt container rỗng khiến những lô hàng nông, lâm, thủy sản đã xuất khẩu trong thời gian qua phải chịu phí vận chuyển rất cao cũng tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 2/2021. Theo số liệu ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản (bao gồm thủy sản, rau quả, hạt tiêu, hạt điều, chè, gạo, cà phê, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 2/2021 đạt 2,68 tỷ USD, giảm 24,5% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Với kết quả này, tính chung trong 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 6,22 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Mặc dù chịu nhiều sức ép trước ảnh hưởng của dịch Covid-19, đặc biệt là việc Việt Nam đang trải qua làn sóng lây nhiễm dịch Covid-19 lần thứ 3 với số ca nhiễm mới trong cộng đồng gia tăng tại nhiều tỉnh, thành, nhưng nhìn chung xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 2 tháng qua vẫn đạt kết quả khả quan, phần lớn nhờ vào việc các doanh nghiệp đã tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết và có hiệu lực. Trong đó, rau quả, sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ ghi nhận tốc độ tăng trưởng khả quan trong 2 tháng liên tiếp, trong khi xuất khẩu gạo giảm mạnh.

Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2021

(Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)

Mặt hàng	Ước tính tháng 2/2021		Ước tính 2 tháng/2021		So sánh (%)					
					Ước T2/21 so với T1/21		Ước T2/21 so với T2/20		Ước 2T/21 so với 2T/20	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu		21.500		50.046		-24,7		2,4		27,1
Nhóm nông, lâm, thủy sản		2.677		6.222		-24,5		6,3		24,0
Tỷ trọng (%)		12,5		12,4						
Thủy sản		400		1.011		-34,6		-20,4		0,7
Rau quả		300		610		-3,1		19,8		14,6
Hạt điều	30	174	75	442	-33,8	-35,0	14,1	-6,9	46,1	21,5
Cà phê	110	193	271	474	-31,5	-31,2	-41,0	-38,3	-18,5	-15,6
Chè	8	14	17	29	-12,1	-4,2	-15,3	3,8	-1,6	11,1
Hạt tiêu	15	44	32	93	-11,2	-9,7	-41,9	-23,6	-21,4	-0,9
Gạo	290	160	638	352	-16,6	-16,6	-45,5	-32,7	-31,4	-18,3
Sắn và các sản phẩm từ sắn	210	81	683	256	-55,6	-53,6	-6,7	14,6	56,0	77,9
- Sắn	77	30	246	71	-54,3	-27,3	-27,8	22,8	55,7	114,6
Cao su	130	211	320	516	-31,5	-30,9	68,0	86,2	89,9	109,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.100		2.441		-18,0		42,1		51,0
- Sản phẩm gỗ		802		1.866		-24,6		43,2		58,5

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Trong nhóm nông, lâm, thủy sản, cao su là mặt hàng ghi nhận sự bứt phá mạnh nhất trong thời gian qua với kim ngạch xuất khẩu tăng tới 130% trong tháng 1/2021 và tiếp tục tăng 86,2% trong tháng 2/2021 so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng qua lên khoảng 516 triệu USD, lượng xuất khẩu đạt 320 nghìn tấn, tăng 89,9% về lượng và tăng 109,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm 2021 cũng tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước, lên 1.614 USD/tấn. Trong đó, xuất khẩu sang các thị trường chủ lực như Trung Quốc hay Hàn Quốc đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu cao su trong 2 tháng qua tăng nhanh là do nhu cầu tiêu thụ cao su trên thị trường thế giới đang có xu hướng hồi phục trong bối cảnh hoạt động sản xuất và tiêu thụ ô tô tại các thị trường Trung Quốc, Mỹ đều



tăng, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có tín hiệu hạ nhiệt trong khi nhu cầu mủ cao su tự nhiên của các nhà máy vẫn đang tăng mạnh do sản xuất thiết bị y tế tăng cao trong đại dịch. Bên cạnh đó, nguồn cung có nguy cơ khan hiếm khi nhập khẩu hạn chế do thị trường thiếu

container để vận chuyển khiến giá cao su trên thị trường thế giới liên tục tăng từ đầu năm 2021 đến nay, cũng là yếu tố hỗ trợ quan trọng đến hoạt động xuất khẩu cao su của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, xuất khẩu cao su của Việt Nam nhiều khả năng sẽ giảm tốc trong 3 – 4 tháng tới do nguồn cung cao su ở mức thấp khi cây cao su bước vào mùa thay lá và cho năng suất thấp từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm.

Trong khi đó, tiếp nối kết quả tích cực của năm 2020 với kim ngạch vượt tới 5,4% so với kế hoạch cả năm, hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong những tháng đầu năm 2021 tiếp tục diễn biến tích cực. Trong 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này ước đạt 2,44 tỷ USD, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước (tháng 1 tăng 59,2% và tháng 2 tăng 42,1%). Hiện các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này vẫn đang tận dụng tốt những ưu đãi thuế quan đến từ các FTA thế hệ mới, bên cạnh đó hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cũng được hỗ trợ bởi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm gỗ tại nhiều quốc gia ở mức cao, đặc biệt là qua các trang mua sắm online. Trong khi đó, năng lực sản xuất của ngành gỗ Việt Nam vẫn được duy trì tốt bởi trong các đợt dịch Covid-19 vừa qua, ngành gỗ Việt Nam hầu như không bị gián đoạn về sản xuất, không nhà máy nào bị phong tỏa vì có ca nhiễm bệnh Covid-19. Do đó, ngành gỗ Việt Nam không những vẫn duy trì được năng lực xuất khẩu mà còn có thể lấp được vào chỗ trống do ngành gỗ ở nhiều nước bị gián đoạn sản xuất bởi dịch bệnh. Năm 2021, với nền tảng khả quan của năm 2020 cộng với hàng loạt yếu tố hỗ trợ tích cực, ngành gỗ đặt mục tiêu xuất khẩu trong cả năm lên tới 14 tỷ USD, tăng trên 13% so với mức 12,4 tỷ USD đã đạt được trong năm 2020. Mặc dù vậy, mục tiêu này vẫn là thách thức đối với ngành gỗ, nhất là đặt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn đang chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh, cạnh tranh thương mại toàn cầu ngày càng gay gắt và một số thị trường xuất khẩu gỗ lớn như Mỹ và Hàn Quốc đang đẩy mạnh các



cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế đối với gỗ Việt Nam.

Đáng chú ý, xuất khẩu rau quả và thủy sản đã tăng tốc trở lại sau khi sụt giảm trong năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, ước tính kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 1 tỷ USD, chỉ tăng nhẹ 0,7% so với cùng kỳ năm trước do xuất khẩu trong tháng 2/2021 giảm mạnh 20,4%. Kim ngạch xuất khẩu rau quả ước đạt 610 triệu USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong những tháng tới, xuất khẩu 2 mặt hàng này vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Trung Quốc – một trong những thị trường truyền thống, chiếm thị phần lớn trong xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam cũng đang liên tục tăng cường các biện pháp thắt chặt kiểm dịch và an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cùng nhiều yêu cầu chi tiết về cơ sở đóng gói, nhãn mác..., tạo ra những rào cản đối với các mặt hàng xuất khẩu. Vừa qua, Bộ Công Thương đã khuyến nghị các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường này cần tăng cường giám sát chất lượng hàng hóa, kiểm nghiệm, kiểm dịch, tránh hiện tượng tồn ứ lượng lớn hàng nông sản do không đủ điều kiện thông quan.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo trong 2 tháng đầu năm 2021 liên tục sụt giảm, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu trong 2 tháng qua ước đạt 638 nghìn tấn, trị giá 352 triệu USD, giảm 31,4% về lượng nhưng chỉ giảm 18,3% về kim ngạch do giá xuất khẩu bình quân vẫn tăng 19% lên 552 USD/tấn. Hiện nhu cầu tiêu thụ của nhiều thị trường đang chững lại sau

kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán cộng với nguồn cung trong nước đang hạn chế nên nhiều doanh nghiệp chưa vội ký hợp đồng, vì cao điểm thu hoạch vụ Đông Xuân - vụ lúa lớn nhất trong năm là vào cuối tháng 2 đầu tháng 3, khi đó nguồn cung sẽ dồi dào hơn. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) dự báo, xuất khẩu gạo năm 2021 vẫn duy trì tín hiệu lạc quan cả về sản lượng và giá bán. Hiện nay, các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Philippines, châu Phi... tiếp tục ký hợp đồng mua gạo của Việt Nam và giá gạo đang ở mức rất khả quan.

Trong thời gian tới, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đều có

nhiều triển vọng tăng trưởng nhờ được hưởng lợi bởi các FTA đã được ký kết và có hiệu lực, đặc biệt là từ 2 FTA mới nhất là EVFTA (có hiệu lực từ tháng 1/8/2020) và UKVFTA (có hiệu lực từ 31/12/2020). Tuy nhiên, để có thể chinh phục được đa dạng thị trường và đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, mẫu mã ở hầu hết các thị trường thì cần nâng cao và tạo ra sự khác biệt rõ nét cả về chất lượng và hình thức sản phẩm. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 sẽ còn tác động lớn đến giao thương nông sản trên toàn cầu. Những yếu tố này sẽ tiếp tục là những thách thức lớn đối với ngành nông nghiệp trong những tháng tiếp theo.

HIỆP ĐỊNH UKVFTA MỞ RA CƠ HỘI ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ANH

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh trong tháng 01/2021 đạt 52,04 triệu USD, giảm 8,3% so với tháng 12/2020, nhưng tăng 1% so với tháng 01/2020.



Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Anh đạt cao nhất với 20,8 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng 12/2020.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Anh cũng giảm 13,1% so với tháng 12/2020, đạt 19,73 triệu USD. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường Anh cũng giảm mạnh 45,8% so với tháng 12/2020, rau quả giảm

17%, cao su giảm 18,6%...

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Anh tăng mạnh 241,2% về lượng và 144,1% về trị giá so với tháng 12/2020, đạt 2,76 nghìn tấn, trị giá 4,52 triệu USD. Xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Anh trong tháng 01/2021 cũng tăng 9,5% về lượng và tăng 18,5% về trị giá so với tháng 12/2020.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương Quốc Anh (UKVFTA) chính thức có hiệu lực từ cuối tháng 12/2020 đang mở ra nhiều cơ hội cho hàng hóa nói chung và các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam nói riêng đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường này trong thời gian tới. Theo đánh giá, dư địa tăng trưởng thị trường tại Vương quốc Anh cho sản phẩm Việt Nam còn rất lớn vì tất cả các sản phẩm xuất khẩu Việt Nam mới chỉ chiếm không quá 1% thị phần trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa mỗi năm của thị trường này. Ngoài ra, việc ký kết một FTA song phương giữa Việt Nam và Anh cũng sẽ tạo điều kiện cho hoạt động cải cách, mở cửa thị trường, thuận lợi hóa thương mại ở hai quốc gia trên cơ sở kế thừa các kết quả đàm phán tương đối tích

cực từ Hiệp định EVFTA, tránh gián đoạn các hoạt động thương mại sau khi Anh rời khỏi EU. Đặc biệt, trong giai đoạn đại dịch Covid-19, nhu cầu nông sản, thực phẩm của thị trường Anh có xu hướng gia tăng.

Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu rau quả nói riêng và nông, lâm, thủy sản

nói chung vào thị trường Anh, hàng hóa Việt Nam cần đáp ứng tiêu chuẩn cao về chất lượng, thẩm mỹ, vệ sinh, môi trường với giá cả cạnh tranh. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của hàng hóa trong thời gian tới.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh trong tháng 01/2021 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 01/2021		So với tháng 12/2020 (%)		So với tháng 01/2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Gỗ và sản phẩm gỗ		20.797		-5,8		-6,5
Hàng thủy sản		19.730		-13,1		18,1
Cà phê	2.760	4.524	241,2	144,1	20,7	8,7
Hạt điều	734	3.689	-42,5	-45,8	-33,6	-44,9
Hạt tiêu	540	1.933	9,5	18,5	48,8	62,1
Hàng rau quả		1.042		-17,0		148,6
Cao su	182	321	-9,9	-18,6	198,4	203,4
Tổng KNXK		52.036		-8,3		1,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng gạo của Việt Nam sau khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực sẽ có cơ hội lớn để tăng xuất khẩu sang thị trường Anh, đặc biệt là gạo thơm. Theo cam kết của Hiệp định UKVFTA, thị trường Anh dành cho Việt Nam tổng hạn ngạch miễn thuế là 13.358 tấn/năm, và mức hạn ngạch này sẽ được hai nước khởi động rà soát sau 3 năm kể từ ngày UKVFTA có hiệu lực.

Trong thời gian qua, mặc dù Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới song xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Anh còn thấp và chưa tương xứng với tiềm năng. Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu gạo của thị trường Anh trong năm 2020 đạt mức cao nhất kể từ năm 2003 với khối lượng đạt 762,53 nghìn tấn, tăng 13,5% so với năm 2019. Trong đó, Ấn Độ, Pakixtan và Italia là 3 nhà cung cấp gạo lớn nhất cho thị trường Anh với khối lượng đạt 173,33 nghìn tấn, 126,73 nghìn tấn và 80,72 nghìn tấn. Đặc biệt, so với năm 2019 nhập khẩu gạo của Anh từ các thị trường trên đều tăng mạnh.

Việt Nam đứng thứ 18 về xuất khẩu gạo vào thị trường Anh trong năm 2020 với thị phần 0,45%. Tuy nhiên, điểm tích cực là xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Anh năm 2020 đã tăng mạnh 97,6% so với năm 2019 và tăng tới 383,1% so với năm 2016, đạt khối lượng cao nhất từ trước đến nay với 3,4 nghìn tấn.



Nhập khẩu gạo của Anh từ một số thị trường trong giai đoạn năm 2016 – 2020

(ĐVT: tấn)

Thị trường	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 so với năm 2019 (%)	Năm 2020 so với năm 2016 (%)
Tổng	602.066	709.519	578.538	671.601	762.526	13,5	26,7
Ấn Độ	156.578	238.872	77.386	119.095	173.333	45,5	10,7
Pakistan	52.865	43.140	97.632	99.351	126.727	27,6	139,7
Italia	83.445	92.086	81.878	64.637	80.720	24,9	-3,3
Tây Ban Nha	69.370	60.487	60.863	79.569	72.349	-9,1	4,3
Thái Lan	54.225	51.571	61.644	62.904	54.990	-12,6	1,4
Myanmar	17.917	49.025	45.919	61.878	47.025	-24,0	162,5
Uruguay	11.871	12.103	14.815	11.904	33.882	184,6	185,4
Hà Lan	20.810	20.843	27.353	37.296	33.500	-10,2	61,0
Guyana	16.386	23.481	15.053	39.009	27.189	-30,3	65,9
Bỉ	19.782	28.351	23.220	18.927	26.209	38,5	32,5
Mỹ	26.099	26.002	17.362	20.339	21.592	6,2	-17,3
Campuchia	18.750	21.694	17.102	13.218	15.682	18,6	-16,4
Pháp	15.724	15.276	9.642	7.235	10.415	44,0	-33,8
Bồ Đào Nha	3.358	2.987	5.593	9.068	7.981	-12,0	137,7
Achentina	75	75	2.120	5.063	7.591	49,9	10.021,3
Thổ Nhĩ Kỳ	967	1.113	76	5.832	5.897	1,1	509,8
Hy Lạp	2.523	2.732	4.785	2.407	3.459	43,7	37,1
Việt Nam	703	270	368	1.719	3.396	97,6	383,1
Đan Mạch	3.227	4.371	1.651	1.672	2.050	22,6	-36,5

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Ngành gỗ Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi từ Hiệp định UKVFTA khi nhiều mặt hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ có thuế suất về 0% trong vòng 5 năm tới. Thời gian qua, sản phẩm gỗ Việt Nam đã bước đầu tìm được chỗ đứng tại thị trường Anh nhờ giá cả có tính cạnh tranh cao, nguyên liệu tốt, chất lượng cao. Ngoài ra, một số công ty lớn tại Anh đã có cơ sở sản xuất hoặc ký hợp đồng đối tác dài hạn với các nhà sản xuất tại Việt Nam như IKEA, nhà bán lẻ đồ gỗ nội thất thị phần lớn nhất tại Anh. Ngoài ra, UKVFTA không chỉ giúp tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng này sang Anh mà còn tạo sức hấp dẫn cho môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam trong ngành chế biến gỗ.

Đối với ngành thủy sản, yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Anh là chính sách thuế nhập khẩu của Anh không thay đổi so với

mức thuế của EU, ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Anh được dự báo vẫn ổn định và có thể gia tăng đối với các sản phẩm thủy sản nuôi, có truy xuất nguồn gốc. Đây là cơ hội cho ngành thủy sản của Việt Nam. Trong đó tôm và một số loại cá (như cá tra) là những mặt hàng có lợi thế sớm nhất, bởi ngay khi Hiệp định có hiệu lực, thuế nhập khẩu hầu hết tôm nguyên liệu vào Anh được giảm từ mức thuế 10 - 20% xuống 0%.

Trong tháng 01/2021, tôm là mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh với tỷ trọng chiếm 65,9%, đạt gần 13 triệu USD, tăng 23% so với tháng 01/2020.

Đứng thứ hai là cá tra, basa với kim ngạch đạt 3,96 triệu USD, tăng 39,3% so với tháng 01/2020 và chiếm 20% thị phần xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh.

Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh trong tháng 01/2021

Chủng loại	Tháng 01/2021		So với tháng 01/2020 (%)		Tỷ trọng trị giá xuất khẩu (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Tháng 01/2021	Tháng 01/2020
Tôm các loại	1.563	12.995	19,5	23,0	65,9	63,2
Cá tra, basa	1.141	3.955	13,8	39,3	20,0	17,0
Cá đông lạnh	447	1.643	49,5	22,6	8,3	8,0
Cá ngừ các loại	130	777	-18,4	-0,7	3,9	4,7
Cá khô	18	87			0,4	0,0
Ghẹ các loại	5	79			0,4	0,0
Thủy sản khác	22	56	-67,9	-28,9	0,3	0,5
Thủy sản làm cảnh	0	43		58,3	0,2	0,2
Nghêu các loại	13	35	-55,6	-37,5	0,2	0,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng rau quả, Hiệp định UKVFTA có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội lớn cho nhiều sản phẩm thế mạnh của Việt Nam như vải, nhãn, chôm chôm, thanh long, dưa... khi 94% trong tổng số 547 dòng thuế của ngành này được xóa bỏ. Bên cạnh đó, thị hiếu của người tiêu dùng tại Anh ưa thích các sản phẩm nhiệt đới, đông lạnh hoặc qua chế biến, quy trình sản xuất sạch, thân thiện với môi trường, ít tạo ra khí thải CO₂, dùng ít nhựa để đóng gói. Đây là điều mà các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần đặc biệt chú ý khi

xuất khẩu rau quả sang thị trường Anh trong thời gian tới.

Trong tháng 01/2021, các sản phẩm chế biến từ rau quả chiếm 66,7% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Anh, đạt 695 nghìn USD, giảm 20,7% so với tháng 12/2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trái cây chế biến sang thị trường này giảm 56,8%, dưa giảm 19,6%, sả giảm 26,3%... Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu gừng sang thị trường Anh tăng đột biến 851,8% so với tháng 12/2020.

Kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh trong tháng 01/2021

Tên hàng	Tháng 01/2021 (nghìn USD)	So với tháng 12/2020 (%)	So với tháng 01/2020 (%)
Sản phẩm chế biến	695	-20,7	295,5
Gừng	276	851,8	337,5
Trái cây	187	-56,8	
Dưa	94	-19,6	546,0
Sả	59	-26,3	
Dừa	25	218,2	143,6
Ngô	18	0,0	-13,8
Trái cây	167	-19,8	11,3
Xoài	58	-51,4	-56,6
Mít	47		
Thanh long	40	107,4	
Rau củ	138	3,9	66,1
Khoai môn	64	39,0	98,5
Ngô	34	-33,6	
Hành khô	25		

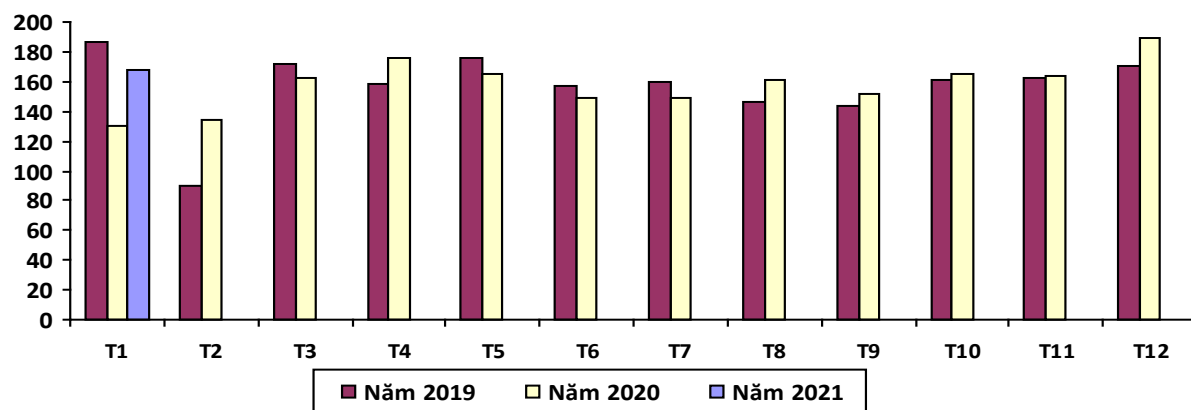
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM ĐÃ TÌM ĐƯỢC CHỖ ĐỨNG TẠI THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 01/2021 giảm 10,9% so với tháng 12/2020 nhưng tăng 29,2% so với tháng 01/2020, đạt 168,29 triệu USD.



Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc năm 2019- 2021 (triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch cao nhất sang thị trường Hàn Quốc, đạt 80,61 triệu USD, giảm 11,2% so với tháng 12/2020.

Đứng thứ hai là hàng thủy sản với kim ngạch đạt 60,61 triệu USD, giảm 13,9% so với tháng 12/2020.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu rau quả và cà phê sang thị trường Hàn Quốc cũng giảm 7,7% và 32,2% so với tháng 12/2020.

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc tăng 4% so với tháng 12/2020, hạt tiêu tăng 14,7%, đặc biệt sắn và sản phẩm từ sắn tăng tới 290,3%.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 01/2021 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 01/2021		So với tháng 12/2020 (%)		So với tháng 01/2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng trị giá		168.285		-10,9		29,2
Gỗ và sản phẩm gỗ		80.614		-11,2		37,5
Hàng thủy sản		60.611		-13,9		20,2
Hàng rau quả		9.268		-7,7		-18,5
Cao su	4.393	8.279	2,9	4,0	84,7	119,0
Cà phê	3.302	5.541	-14,9	-32,2	58,4	37,3
Sắn và các sản phẩm từ sắn	9.279	3.076	260,3	290,3	236,6	263,1
Hạt tiêu	292	896	13,2	14,7	-40,5	-23,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàn Quốc là một trong những nước nhập khẩu nông sản và thủy sản lớn trên thế giới, mỗi năm nước này chi khoảng hơn 33 tỷ USD để nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy sản. Do đó, đây là thị trường rất nhiều tiềm năng cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Đặc biệt, theo Báo cáo Xu hướng thực phẩm nhập khẩu năm 2019 và năm 2020 của Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS), số vụ vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các lô hàng thực phẩm chế biến nhập khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc có xu hướng giảm. Cụ thể năm 2019 phát hiện 117 vụ, năm 2020 chỉ còn 37 vụ. Điều này cho thấy chất lượng các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đang ngày càng được nâng cao và đáp ứng được các yêu cầu khắt khe từ thị trường Hàn Quốc.

một số loại quả được xuất khẩu khá nhiều vào thị trường này như dưa, dưa, thanh long, xoài, chuối... Ngoài ra, thị trường Hàn Quốc cũng rất ưa chuộng sản phẩm nông sản đã qua chế biến của Việt Nam.

Thời gian tới, để tận dụng hiệu quả cơ hội từ các FTA đã có với Hàn Quốc nhằm mở rộng thị trường, nâng cao thị phần, hàng hóa nông, lâm, thủy sản Việt không chỉ cần nâng cao chất lượng, mà còn phải tiếp tục đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định đặc trưng của thị trường này.

Với những yếu tố thuận lợi về nhu cầu thị trường, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Hàn Quốc được dự báo tăng trưởng khả quan trong năm 2021.



Thời gian qua, nhiều mặt hàng nông, thủy sản Việt Nam đã nỗ lực rất lớn để có mặt trên các kệ hàng tại Hàn Quốc và thực tế cho thấy, ngày càng có nhiều sản phẩm được ưa chuộng ở Hàn Quốc như tôm, cá tra, cá ngừ, mực, bạch tuộc... Cùng với đó,

Rau quả:

Các sản phẩm chế biến từ rau quả chiếm 61,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 01/2021,

với kim ngạch đạt 6,05 triệu USD, giảm 18,6% so với tháng 12/2020. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu rau củ sang thị trường Hàn Quốc giảm 24,2%, đạt 622 nghìn USD.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi sang thị trường Hàn

Quốc tăng mạnh 38,9% so với tháng 12/2020, đạt 2,48 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trái xoài tươi sang thị trường Hàn Quốc tăng 122,2% so với tháng 12/2020, đạt 1,13 triệu USD; thanh long tăng 7,3%; chanh leo tăng 81,4%...

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng rau hoa quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 01/2021

Chủng loại	Tháng 01/2021 (nghìn USD)	So với tháng 12/2020 (%)	So với tháng 01/2020 (%)
Sản phẩm chế biến	6.048	-18,6	-19,9
Hạt mè	2.867	-16,3	25,6
Dừa chuột	504	14,2	24,5
Trái cây	393	-28,8	493,4
Thạch	282	52,8	631,8
Tắc	282	20,5	
Xoài	199	24,9	324,6
Khoai lang	184	-35,9	32,0
Lô hội	117	15,1	73,0
Ổi	107		375,2
Hạt vừng	98	-68,5	-89,2
Hạt tía tô	85		14,3
Dừa	58	-52,3	-49,1
Dừa hấu	57	176,1	120,5
Tía tô	57	-64,9	-91,3
Nhàu	52	-6,4	-87,2
Mứt	51	-26,3	173,2
Ốt	50		
Trái cây	2.479	38,9	33,3
Xoài	1.134	122,2	14,4
Thanh long	433	7,3	214,7
Chuối	237	-18,4	48,4
Chanh leo	180	81,4	-1,6
Ốc chó	118		
Dừa	113	-30,1	157,1
Mít	61	16,3	434,7
Sầu riêng	53	-37,5	-56,1
Nhàu	48	66,8	
Dứa	40	296,1	149,4
Khổ qua	34		
Macadamia	17	2.689,2	
Rau củ	622	-24,2	-66,8
Hỗn hợp rau củ	127	198,8	
Ốt	117	-65,8	-85,1
Khoai tây	81	3,1	-1,5
Nấm hương	46	-57,5	534,8
Bí đỏ	30	-3,5	-80,8
Xà lách	23		-43,6
Hoa	589	4,0	100,6
Hoa cúc	580	4,1	106,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thủy sản:

Hàn Quốc là một trong những quốc gia có thế mạnh về xuất khẩu thủy sản, nhưng thời gian gần đây, Hàn Quốc vẫn phải nhập khẩu tới khoảng 4 tỷ USD các sản phẩm thủy sản từ 100 nước; do sản lượng đánh bắt và nuôi trồng có xu hướng giảm. Sản lượng đánh bắt tại các vùng biển lân cận của Hàn Quốc giảm 7,6% và sản lượng nuôi biển giảm 4,4%, ảnh hưởng đến sản lượng thủy sản Hàn Quốc. Trong khi đó tiêu thụ thủy sản bình quân đạt 54,7kg/người/năm, chủ yếu là cá và thủy sản có vỏ.

Một trong những lợi thế của thủy sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Việt Nam đã ký kết các Hiệp định thương mại song phương và đa phương với Hàn Quốc. Bên cạnh đó, cộng đồng

người Việt Nam tại Hàn Quốc với nhiều người nội trợ cũng là một kênh tiêu thụ nhiều tiềm năng. Theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp thì Hàn Quốc đã và đang trở thành một thị trường khá ổn định của ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh việc đánh bắt, khai thác tại nước này chững lại.

Hiện nay, tôm, bạch tuộc và surimi đang là 3 mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc. Trong tháng 01/2021, kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 24,02 triệu USD, chiếm 39,6% thị phần thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này; đứng thứ hai là bạch tuộc với 14,82 triệu USD, chiếm 24,5% thị phần; Surimi đạt 9,3 triệu USD, chiếm 15,4% thị phần.

Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 01/2021

Chủng loại	Tháng 01/2021		So với tháng 01/2020 (%)		Tỷ trọng (% theo trị giá)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Tháng 01/2021	Tháng 01/2020
Tôm các loại	3.195	24.024	24,5	31,3	39,6	36,3
Bạch tuộc các loại	2.260	14.823	27,0	34,7	24,5	21,8
Surimi	5.209	9.304	15,6	13,7	15,4	16,2
Cá khô	641	4.675	11,6	13,0	7,7	8,2
Mực các loại	521	3.979	14,4	-28,4	6,6	11,0
Cá đông lạnh	576	2.155	45,3	50,3	3,6	2,8
Cá ngừ các loại	113	544			0,9	0,0
Cá tra, basa	172	477	13,2	-12,9	0,8	1,1
Mắm	64	192	188,9	203,0	0,3	0,1
Ốc các loại	115	130	98,9	123,0	0,2	0,1
Ghẹ các loại	30	123	-70,3	-67,7	0,2	0,8
Cá đóng hộp	10	69	-55,7	-41,4	0,1	0,2
Ruốc	37	33	-81,8	-82,1	0,1	0,4
Nghêu các loại	22	32	-47,7	-50,9	0,1	0,1
Sò các loại	4	24	309,1	220,1	0,0	0,0
Cua các loại	4	18	221,8	218,9	0,0	0,0
Trứng cá	3	14	-86,0	-87,0	0,0	0,2
Chả giò	1	5			0,0	0,0
Thủy sản làm cảnh	0	5		437,3	0,0	0,0
Bánh hải sản	1	4			0,0	0,0
Tổng	12.977	60.611	18,5	20,2	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

BẮC GIANG THÀNH CÔNG TRONG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN, HƯỚNG TỚI XUẤT KHẨU



Với diện tích đất nông nghiệp 302.000 ha, chiếm 77,6% tổng diện tích tự nhiên, tỉnh Bắc Giang có lợi thế đất đai màu mỡ, địa hình và tiểu vùng khí hậu phù hợp để phát triển nông nghiệp công nghệ cao với nhiều loại nông sản giá trị. Xác định đây là thế mạnh của địa phương, tỉnh Bắc Giang đã ban hành nhiều chính sách, đề án để hỗ trợ người dân và tăng cường thu hút đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là những sản phẩm hàng hóa xuất khẩu.

Hiện Bắc Giang có hơn 40 sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được cấp bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT), trong đó nổi bật một số sản phẩm như: Gà đồi (Yên Thế); lạc, vải thiều sớm Phúc Hòa (Tân Yên); gạo thơm (Yên Dũng); na, dứa (Lục Nam)... và một số sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề như: Rượu làng Vân, mây tre đan Tăng Tiến (Việt Yên); mỳ, bánh đa Kế (TP Bắc Giang)... Những sản phẩm này đem lại hiệu quả kinh tế to lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương cũng như nâng cao đời sống của người dân; vải thiều Lục Ngạn, mỳ Kế, mỳ Chũ không những tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu sang một số nước khác như Mỹ,

Trung Quốc, Pháp, một số nước ASEAN...

Để đạt được kết quả này, Bắc Giang đã chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; có cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia. Để nâng cao chất lượng, sản phẩm được sản xuất với số lượng lớn, chất lượng đồng đều, những năm gần đây, nhiều huyện của Bắc Giang đã chủ động chuyển đổi, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung mang lại hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở phát huy lợi thế vốn có của địa phương.

Những năm gần đây, tỉnh Bắc Giang đã chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung mang lại hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở phát huy lợi thế vốn có của từng địa phương. Việc chuyển đổi đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập trên đồng ruộng, vườn đồi cho người nông dân.

Bắc Giang đã triển khai nhiều giải pháp khuyến khích người nông dân áp dụng tiêu chuẩn VietGap và thâm canh hữu cơ theo chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) nhằm phát triển kinh

tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị, góp phần cải thiện diện mạo cuộc sống người dân.

Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao:

Sau những thành công ấn tượng trong việc phát triển các mặt hàng nông sản thế mạnh, Bắc Giang đang chủ trương thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, thân thiện môi trường. Từ đó, hướng tới các mục tiêu tăng trưởng bền vững hơn trong tương lai.

Xác định khoa học-công nghệ là một trong những giải pháp chính để tạo ra đột phá năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và phát triển bền vững, tỉnh Bắc Giang đã dành hàng chục tỷ đồng mỗi năm để hỗ trợ nghiên cứu, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất. Nhờ vậy các địa phương trong tỉnh đã xây dựng thành công 246 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đạt giá trị gia tăng gấp 2-3 lần so với cách làm cũ.

Về giống, ngành nông nghiệp tỉnh đã tiến hành khảo nghiệm, bổ sung vào cơ cấu mùa vụ được nhiều giống cây trồng năng suất, chất lượng cao như, lúa lai; lạc; khoai tây, rau măng tây xanh, dưa chuột bao tử; các giống cây ăn quả như bưởi Diễn, bưởi đỏ Hòa Bình; cam đường Canh, cam V2, ổi; nhãn; bơ MC7, chè...

Đặc biệt là đã sản xuất thành công các giống nấm ăn, nấm dược liệu cấp 1, cấp 2; Nghiên cứu, xây quy trình điều chế cao lỏng, cao khô dược liệu cho sản xuất thực phẩm chức năng RegluBG từ cây địa hoàng trồng ở địa phương. Đánh giá, bảo tồn nguồn gen cây sâm nam núi Dành, cây trà hoa vàng...

Về kỹ thuật canh tác, đã cơ giới hoá đồng bộ các khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch và áp dụng rộng rãi kỹ thuật canh tác SRI "3 giảm 3 tăng" trong thâm canh lúa; Áp dụng kỹ thuật che phủ nilon trong thâm canh lạc; Sử dụng công nghệ nhà màng, nhà khí canh để sản xuất khoai tây giống; Xây dựng được nhiều nhà kính, nhà lưới cho trồng rau, quả VietGAP. Đồng thời triển khai tưới nước tiết kiệm (công nghệ Israel) trong thâm canh chè,

cây ăn quả và một số cây rau màu khác; Xây dựng thành công kho bảo quản rau, củ, quả bằng công nghệ kiểm soát môi trường bên trong.

Nhờ những giải pháp căn bản nêu trên, ngành nông nghiệp Bắc Giang đã vượt qua nhiều khó khăn (biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên người và gia súc...), đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân giai đoạn 2017-2020 là 2,5%/năm; Góp phần nâng thu nhập bình quân khu vực nông thôn từ 34,1 triệu đồng/người/năm 2017 lên 42 triệu đồng/người/năm 2020.

Thời gian tới, tỉnh Bắc Giang tiếp tục chú trọng đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, tự động hóa các khâu trong quá trình sản xuất; tập trung ứng dụng các tiến bộ về giống, các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ sạch, hữu cơ, các chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển giao kỹ thuật, quản lý sản xuất, quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Đồng thời, chú trọng mở rộng quy mô, diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, an toàn sinh học trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, cung ứng vật tư kỹ thuật nông nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các chế phẩm, chất phụ gia, chất cấm trong sản xuất và bảo quản nông sản.

Với định hướng mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đem lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên, trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang mong muốn xây dựng quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài có nét tương đồng về văn hóa, có những thế mạnh kinh tế - xã hội tương hỗ với tỉnh Bắc Giang. Riêng đối với lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh định hướng phát triển quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản- lâm sản- thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường các nước như Nhật Bản, Mỹ, EU, Australia,...

MỜI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GỬI HÀNG THAM DỰ TRIỂN LÃM FOOD EX JAPAN 2021

Hiện nay, tình hình dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới khiến cho việc đi lại giữa các nước vẫn gặp khó khăn, và doanh nghiệp Việt Nam không có khả năng trực tiếp sang Nhật Bản tham dự Triển lãm FOOD EX trong năm nay.

Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản phối hợp với một số đầu mối nhập khẩu của Nhật Bản có kế hoạch thuê 01 gian hàng tại Triển lãm FOOD EX Japan 2021 để quảng bá giới thiệu sản phẩm, duy trì vị thế thương hiệu hàng Việt Nam tại Nhật Bản nói chung. Các doanh nghiệp Việt

Nam quan tâm có thể đăng ký gửi hàng mẫu tới Thương vụ để được trưng bày tại Triển lãm.

Thông tin về Triển lãm FOOD EX Japan 2021:

- Thời gian: 09 – 12/3/2021

- Địa điểm: Trung tâm triển lãm Makuhari Messe, tỉnh Chiba, Nhật Bản

Các doanh nghiệp quan tâm đề nghị điền form đăng ký (file word) và gửi email tới Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản theo địa chỉ: jp@moit.gov.vn

GIAO THƯƠNG

CÔNG TY NHẬT BẢN CẦN NHẬP KHẨU ỚT ĐÔNG LẠNH

Hiện khách hàng Nhật Bản (doanh nghiệp tại tỉnh Kanagawa) đang tìm nhà cung cấp ớt đông lạnh để xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

Yêu cầu như sau: Số lượng 3 Cont (20') /năm (khoảng 30 tấn)

Quy cách đóng gói : 250g và 500g/ 1 túi, 20 túi/ Carton

Cung cấp được chứng nhận Halal (quy định sản phẩm của đạo Hồi)

Doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cung cấp sản phẩm trên đề nghị liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản.

Email: jp@moit.gov.vn

CÔNG TY NHẬT BẢN TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP VIỆT NAM CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU CÁ ĐUỐI PHI LÊ

Doanh nghiệp Nhật Bản tìm kiếm công ty, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng chế biến, gia công và cung cấp nguyên liệu cá đuối phi lê (loại thịt đỏ). Tên khoa học của loại cá đuối này là Rajidae, tên tiếng Anh là Skate, tên tiếng Nhật là Gangi Ei.

Doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cung cấp sản phẩm trên, xin liên hệ: Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản. Email: jp@moit.gov.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN ĐẾN NĂM 2030

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 5/2/2021 về việc phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đến năm 2030.

Theo đó, mục tiêu chung của Đề án phấn đấu đến năm 2030 là thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, tham gia toàn diện và bền vững vào chuỗi cung ứng nông, lâm, thủy sản, thực phẩm toàn cầu. Nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam nhằm đáp ứng được các quy định của các thị trường nhập khẩu. Tiếp tục định vị và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Phấn đấu đến năm 2030, giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đạt khoảng 60 - 62 tỷ USD; trong đó, nhóm nông sản chính đạt 25 tỷ USD, lâm sản đạt khoảng 16 - 17 tỷ USD, thủy sản đạt 15 tỷ USD, sản phẩm chăn nuôi đạt từ 3 - 4 tỷ USD, mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác đạt khoảng 2 tỷ USD.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 6 - 8%/năm; khoảng 40% sản phẩm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu được gắn thương hiệu quốc gia, 70% sản phẩm truy xuất được nguồn gốc; khoảng 60% giá trị xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản là qua chế biến và chế biến sâu.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, tạo thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến xuất khẩu nông, lâm, thủy sản như: Các quy định về kiểm dịch, an toàn thực phẩm, đăng ký danh sách doanh nghiệp, danh mục sản phẩm được phép xuất khẩu, thủ tục hải quan...

Tổ chức, sắp xếp, đổi mới những hợp tác xã hiện có, xây dựng các hợp tác xã kiểu mới theo hướng phát triển gắn với thị trường. Thúc đẩy phát triển các mô hình chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn, trong đó liên kết hợp tác xã với doanh nghiệp là vai trò chủ đạo trong việc sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm, có truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu nông, lâm, thủy sản.

Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, triển khai các hoạt động nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm; quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế...

Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng kế hoạch đàm phán mở cửa thị trường, tháo gỡ các rào cản thương mại, giải quyết tranh chấp quốc tế; Cung cấp thông tin thị trường nước ngoài để định hướng sản xuất sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong nước đáp ứng theo quy định, tiêu chuẩn quốc tế; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan thực hiện các hoạt động nghiên cứu, dự báo thị trường, đánh giá khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của Việt Nam trên thị trường thế giới; Xây dựng các chính sách hỗ trợ giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cụ thể hóa các nội dung của Đề án sát với điều kiện thực tế của địa phương; đề xuất các dự án cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước.

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP TẠM THỜI ĐỐI VỚI ĐƯỜNG MÍA CÓ XUẤT XỨ THÁI LAN

Ngày 09 tháng 02 năm 2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 477/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) tạm thời đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan.

Bộ Công Thương bắt đầu điều tra vụ việc vào ngày 21 tháng 9 năm 2020 trên cơ sở kết quả thẩm định Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp CBPG, CTC của đại diện ngành sản xuất trong nước.

Trải qua gần 5 tháng điều tra theo đúng quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới, Luật Quản lý ngoại thương và các quy định liên quan, Bộ Công Thương đã xem xét và đánh giá kỹ lưỡng thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, mức độ bán phá giá và mức độ được trợ cấp của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sản phẩm đường mía của Thái Lan cũng như tính toán tác động đối với các ngành sản xuất hạ nguồn và người tiêu dùng.

Kết quả điều tra cho thấy ngành sản xuất đường mía trong nước đã chịu thiệt hại nặng nề trong thời gian vừa qua. Một loạt các nhà máy đường đã phải đóng cửa, gây tác động nghiêm trọng đến việc làm của người lao động. Theo tính toán, đã có 3.300 người lao động bị mất việc làm và 93.225 hộ nông dân bị ảnh hưởng do khó khăn của ngành sản xuất trong nước. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là do đường nhập khẩu được trợ cấp và bán phá giá từ Thái Lan tăng mạnh trong năm 2020, lên tới gần 1,3 triệu tấn, tăng 330,4% so với năm 2019.

Kết quả điều tra cho thấy các sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Thái Lan, bao gồm đường tinh luyện và đường thô, đã được trợ cấp, bán phá giá ở mức 48,88%. Do đó, mức thuế CBPG, CTC tạm thời với các sản phẩm đường mía nhập

khẩu từ Thái Lan là 48,88%.

Tuy nhiên, sau khi cân nhắc tác động kinh tế-xã hội theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, nhằm đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của người nông dân, ngành sản xuất, chế biến đường trong nước (gồm cả tạo điều kiện về nguyên liệu cho sản xuất), người tiêu dùng; căn cứ trên thông tin thu thập, tính toán được trong quá trình điều tra, ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các bên liên quan khác, Bộ Công Thương quyết định tạm thời thu thuế CBPG, CTC đối với đường thô có xuất xứ Thái Lan ở mức 33,88%. Mức thuế này sẽ được rà soát thường xuyên để bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng nếu có biểu hiện chuyển mạnh từ nhập khẩu đường tinh luyện, đường trắng sang nhập khẩu đường thô để lẩn tránh thuế CBPG, CTC ở mức cao hơn.



Trong thời gian tới, để đưa ra kết luận cuối cùng về vụ việc, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục làm việc với các bên liên quan, thẩm tra xác minh số liệu và tổ chức phiên tham vấn công khai để tất cả các bên có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình, đồng thời đánh giá tác động toàn diện của vụ việc đến các bên liên quan. Vụ việc dự kiến sẽ kết thúc điều tra vào Quý II năm 2021.

CAMPUCHIA HỦY LỆNH CẤM NHẬP KHẨU 4 LOẠI CÁ DA TRƠN

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Campuchia đã ra thông báo chính thức hủy bỏ lệnh cấm nhập khẩu 04 loại cá da trơn ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2021. Hoạt động nhập khẩu 04 loại cá nói trên được thực hiện bình thường như trước đây.

Trước đó, ngày 08 tháng 01 năm 2021, Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Campuchia ra thông báo dừng nhập khẩu 04 loại cá da trơn như: cá tra, cá bớp, cá trê và cá lóc từ các nước láng giềng chung biên giới với Campuchia (trong đó có Việt Nam) nhằm bảo vệ thị trường cho các hộ nuôi cá của Campuchia.

Ngay sau khi nhận được thông tin trên, Bộ Công Thương đã làm việc với các tỉnh biên giới Việt Nam giáp Campuchia và các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Campuchia để nắm bắt tình hình vụ việc. Bước đầu, Bộ Công Thương xác định nhiều lô hàng cá da trơn xuất khẩu sang Campuchia qua cặp cửa khẩu Khánh Bình (tỉnh An Giang, Việt Nam) – Chrey Throm (tỉnh Kandal, Campuchia) không được Hải quan Campuchia cho thông quan, phải quay trở lại Việt Nam.

Trong những năm gần đây, Việt Nam xuất khẩu khoảng 60 triệu USD/năm giá trị thủy sản sang Campuchia. Tuy Campuchia không phải là thị trường lớn đối với thủy sản của Việt Nam nhưng nhu cầu nhập khẩu của thị trường tương đối ổn định, đóng góp tích cực cho việc phát triển thương mại ở khu vực biên giới, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân.

Ngay sau đó, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh đã gửi công thư tới Bộ trưởng Bộ Thương mại Campuchia Pan Sorasak về biện pháp cấm nhập khẩu cá của Campuchia. Trong thư, Bộ trưởng Trần Tuấn Anh nhấn mạnh lệnh cấm nhập khẩu cá của Campuchia sẽ gây tác động tiêu cực tới doanh nghiệp của hai nước

cũng như người tiêu dùng Campuchia. Đặc biệt, lệnh cấm nhập khẩu nói trên đi ngược lại tinh thần tự do hóa thương mại của WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN mà cả Việt Nam và Campuchia là thành viên.

Sau khi nhận được công thư, Bộ trưởng Bộ Thương mại Campuchia Pan Sorasak đã liên hệ với Bộ trưởng Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp nước này là Veng Sakhon và chủ trì cuộc họp ngày 29 tháng 01 năm 2021 để xem xét lại quyết định tạm dừng nhập khẩu 04 loại cá từ các nước láng giềng theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh.

Sau khi cân nhắc và thảo luận kỹ lưỡng, đến ngày 08 tháng 02 năm 2021, Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Campuchia đã ra thông báo chính thức hủy bỏ lệnh cấm nhập khẩu 04 loại cá da trơn ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2021. Hoạt động nhập khẩu 04 loại cá nói trên được thực hiện bình thường như trước đây.

Như vậy sau tròn một tháng ban hành và thực hiện lệnh cấm nhập khẩu, với sự can thiệp, đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam cũng như sự phối hợp, hỗ trợ của Bộ trưởng Bộ Thương mại Campuchia, Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Campuchia, trên cơ sở quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai nước, Campuchia đã hủy bỏ thông báo trước đó, đưa hoạt động nhập khẩu 04 loại cá da trơn trở lại bình thường như trước đây.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang thị trường Campuchia nói riêng cần tiếp tục theo sát diễn biến thông tin, chính sách nhập khẩu của thị trường và đặc biệt cần chú ý đảm bảo các yêu cầu của các cơ quan hữu quan Campuchia về vệ sinh an toàn thực phẩm nhập khẩu, vì sự an toàn và lợi ích của người tiêu dùng của cả hai nước.

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI TIẾP TỤC KHỞI SẮC

Trong kỳ từ ngày 01/02 đến 24/02/2021, giá nhiều mặt hàng nông sản tiếp tục xu hướng tăng do nguồn cung giảm trong khi nhu cầu phục hồi sau đại dịch Covid-19.



Kết thúc phiên giao dịch ngày 24/02/2021, giá đậu tương trên sàn Chicago – Mỹ tăng 0,6% so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021, đạt 1.426 UScent/bushel sau khi Bộ Nông nghiệp nước này dự báo nguồn cung nội địa thắt chặt đến năm 2022. Tốc độ thu hoạch chậm ở nước xuất khẩu hàng đầu Braxin cũng là một trong những yếu tố đẩy giá đi lên. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), xuất khẩu nông sản của Mỹ sang Trung Quốc dự báo sẽ đạt mức kỷ lục 31,5 tỷ USD trong năm tài khóa 2021 (kết thúc vào ngày 30/9/2021).

Tương tự, giá ngô kỳ hạn tháng 3/2021 tại Mỹ cũng tăng 4,1% so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021, đạt 553,3 UScent/bushel. Ngược lại, giá lúa mì kỳ hạn tháng 3/2021 giảm nhẹ 0,2% xuống 674,3 UScent/bushel.

Giá đường thô giao tháng 3/2021 đóng cửa phiên giao dịch ngày 24/02/2021 tăng 3,4% so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021 lên 17 UScent/lb, chạm mức cao nhất trong gần 4 năm và trước đó có thời điểm giá đã đạt 18,89 UScent/lb. Nguồn cung đường khan hiếm chủ yếu bởi xuất khẩu của Ấn Độ bị hạn chế do thiếu container trên toàn cầu và vụ mùa

của Thái Lan giảm. Đồng thời, cũng có những thông tin vụ thu hoạch của Braxin có thể bắt đầu muộn so với mọi năm.

Trên thị trường cà phê, giá cà phê trên 2 sàn giao dịch New York và London tăng khá mạnh trong tháng 02/2021, giá cà phê Arabica tăng lên mức cao nhất trong 14 tháng trong khi cà phê Robusta cao nhất trong 5 tháng qua. Cụ thể, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 tăng 7,9% so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021 lên 138,3 USD/lb; giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5 tăng 4,7% lên 1.417 USD/tấn. Giá cà phê Arabica tăng do khả năng xảy ra sương giá ở miền nam Braxin. Vụ cà phê hiện tại bị khô hạn ngay từ đầu vụ, cây cà phê Arabica cho sản lượng thấp theo chu kỳ "hai năm một", nay lại thêm mối lo sương giá...

Thị trường gạo cũng vững ở mức cao khi xuất khẩu gạo Ấn Độ có động lực sau khi một cảng được mở thêm để phục vụ hoạt động xuất khẩu, giúp giảm tắc nghẽn tại các cảng khác. Thời gian chờ tại cảng Kakinada Anchorage lên tới 4 tuần so với thông thường chỉ 1 tuần do tình trạng tắc nghẽn nghiêm trọng. Từ ngày 13/2, Ấn Độ đã bắt đầu sử dụng cảng nước sâu Kakinada để xuất khẩu gạo nhằm giảm thời gian chờ và đẩy nhanh hoạt động xuất khẩu nói chung. Diễn biến này cũng giúp các nhà xuất khẩu tiết kiệm phí, qua đó có thể tác động tích cực lên nông dân và cả khách hàng quốc tế. Giá gạo đỏ Ấn Độ 5% tẩm tính đến ngày 24/02/2021 đạt 395 – 401 USD/tấn, tăng hơn 10 USD/tấn so với phiên giao dịch ngày 18/01/2021. Trong vài tuần tới, Ấn Độ có thể bắt đầu hoàn thành các đơn hàng một cách nhanh chóng. Điều này có thể gây sức ép lên Thái Lan và Việt Nam khi giá của hai nhà cung cấp này đang ở mức khá cao. Tại Thái Lan, giá gạo trắng 5% tẩm tăng lên 540 – 560 USD/tấn, từ mức 525 USD/tấn của tháng 01/2021.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 24/02/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 24/02/2021	So với ngày 18/01/2021 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	553,3	4,1	42,9
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	674,3	-0,2	19,5
Lúa mạch	UScent/bushel	369,8	1,0	20,3
Đậu tương	UScent/bushel	1.426,0	0,6	51,0
Khô đậu tương	USD/tấn	428,8	-7,4	41,2
Dầu đậu tương	UScent/bushel	48,6	16,0	41,6
Hạt cải	CAD/tấn	607,2	-11,4	25,6
Ca cao	USD/tấn	2.499,0	-1,1	-3,5
Đường thô	UScent/lb	17,0	3,4	20,9
Nước cam	UScent/lb	113,1	-7,2	16,5
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.417,0	4,7	10,1
Cà phê Arabica	UScent/lb	138,3	7,9	16,3
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	890,1	34,3	113,9
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	401,0	2,8	9,6
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	560,0	6,7	28,7
Cao su Toccom	JPY/kg	180,5	10,9	-10,4

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHU CẦU HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA NAM PHI VẪN LỚN

Theo dữ liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nam Phi năm 2020 đạt 3,977 tỷ USD, giảm 10,1% so với năm 2019.

Nhập khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Nam Phi giảm trong năm 2020 là do nhập khẩu giảm ở các mặt hàng thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ giảm 27,4%; gỗ và các mặt hàng bằng gỗ giảm 18,4%; sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây giảm 16,2%; cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác giảm 29,4%...

Năm 2020, trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nam Phi, ngũ cốc là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 26,9% tổng trị giá nhập khẩu, đạt 1,071 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm 2019. Trong các mặt hàng ngũ cốc nhập khẩu vào Nam Phi, nhập khẩu gạo chiếm 50,5% tổng trị giá nhập khẩu, với



trị giá 541 triệu, tăng 20,3% so với năm 2019. Nhập khẩu gạo vào Nam Phi tăng khá mạnh trong năm 2020 là do vào thời điểm giữa năm 2020, ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến thương mại gạo của Nam Phi bị gián đoạn, đến quý III/2020, khi các biện pháp cách ly xã hội đã được nới lỏng, Nam Phi cùng với các quốc gia châu Phi khác đã tăng gấp đôi lượng gạo nhập khẩu để bù đắp cho thời gian tạm lắng đầu năm.

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng số các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nam Phi năm 2020 là mặt hàng thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được

chiếm 10,7% tổng trị giá nhập khẩu; tuy vậy, nhập khẩu mặt hàng này vào Nam Phi giảm trong năm 2020, chỉ đạt 425,7 triệu USD, giảm 27,4% so với năm 2019.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nam Phi năm 2020

Mặt hàng	Nam Phi nhập khẩu từ thế giới (Đvt: nghìn USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Nam Phi (%)	
	Năm 2020	Năm 2019		Năm 2020	Năm 2019
Tổng	3.977.279	4.426.480	-10,1	1,1	1,2
Ngũ cốc	1.071.498	1.004.062	6,7	0,4	0,3
Gạo	541.000	449.798	20,3	0,7	0,7
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	425.767	586.594	-27,4		
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	296.045	362.637	-18,4	0,3	0,3
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	218.671	260.882	-16,2	0,5	0,4
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	218.614	309.731	-29,4	0,9	1,9
Cà phê, chè và các loại gia vị	200.413	188.767	6,2	7,0	9,1
Cà phê	77.211	79.596	-3,0	3,8	7,6
Chè	39.408	40.318	-2,3		
Hạt tiêu	13.981	14.894	-6,1	62,9	61,1
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	185.281	182.764	1,4	-	-
Quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	167.081	184.089	-9,2	5,5	5,1
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	162.601	159.766	1,8	-	-
Hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác	151.194	124.840	21,1	0,0	0,1
Động vật sống	139.976	170.217	-17,8	-	-
Cao su và các sản phẩm bằng cao su	132.011	180.438	-26,8	0,4	0,6
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	117.514	168.341	-30,2	3,7	1,2
Thủy sản chế biến	110.326	156.311	-29,4	4,0	1,3
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	105.978	130.489	-18,8	0,1	0,1
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	104.071	86.925	19,7	0,5	0,9
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	93.887	83.392	12,6	0,1	0,1
Các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	89.493	108.995	-17,9	2,3	1,1
Đồ nội thất bằng gỗ	74.196	105.863	-29,9	7,6	8,9
Cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và các loại tương tự, cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	19.784	23.597	-16,2	-	0,0
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện, các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	3.204	4.091	-21,7	-	0,7

Nguồn: ITC

Tiềm năng xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Nam Phi

Kinh tế Nam Phi đang gặp rất nhiều khó khăn trước xu hướng suy thoái và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. GDP của Nam Phi ước tính giảm 7,8% trong năm 2020.

Tuy nhiên, kinh tế nước này có xu hướng hồi phục trong những tháng đầu năm 2021. Theo đó, chỉ số nhà quản lý mua hàng lĩnh vực sản xuất (PMI) tại quốc gia này liên tiếp vượt ngưỡng 50 điểm chỉ số trong tháng 12/2020 và tháng 01/2021, đặc biệt đạt 50,8 điểm vào tháng 01/2021, tăng nhanh nhất kể từ tháng 12/2016 trong bối cảnh lượng đơn đặt hàng mới tăng.

Bên cạnh đó, các định chế tài chính lớn đều nhận định nền kinh tế Nam Phi cũng sẽ phục hồi trong năm nay, cụ thể: Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu mới nhất, Ngân hàng Thế giới dự đoán tăng trưởng của Nam Phi sẽ phục hồi lên 3,3% vào năm 2021 - thấp hơn 0,7 điểm phần trăm so với các dự báo trước đó - trước khi giảm xuống mức gần tiềm năng là 1,7% vào năm 2022. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới cập nhật tháng 1/2021, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho biết GDP của Nam Phi sẽ tăng 2,8% trong năm 2021 và sẽ chỉ tăng 1,4% vào năm 2022. Ngoài ra, Ngân hàng Dự trữ Nam Phi cũng dự báo GDP của nước này sẽ tăng 3,6% vào năm 2021, trước khi tăng 2,4% vào năm 2022.

Tuy vậy, nền kinh tế Nam Phi sẽ vẫn bị hạn chế bởi nhiều yếu tố như: Các hoạt động thu mua hàng hóa tại Nam Phi đã giảm tháng thứ hai liên tiếp trong tháng 01/2021 do tình trạng thiếu nguyên liệu thô, nguồn cung container hàng hóa giảm và sự chậm trễ tại các cảng địa phương. Việc làm đã giảm trong tháng đầu tiên của năm 2021 do các công ty cố gắng giảm chi phí tiền lương, với tốc độ giảm việc làm nhanh nhất kể từ tháng 5/2020. Về mặt giá cả, chi phí đầu vào tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 10/2018, trong

khi chi phí nguyên liệu đầu vào cao hơn khiến các công ty tăng phí đầu ra tháng thứ năm liên tiếp.

Theo nhận định, các hoạt động thương mại, đầu tư của Nam Phi sẽ vẫn chậm, ít nhất trong nửa đầu năm 2021.

Về những lợi thế và tiềm năng của hàng hóa Việt Nam tại Nam Phi, Việt Nam vẫn có nhiều cơ hội để tăng xuất khẩu hàng hóa, trong đó, đối với hàng nông, lâm, thủy sản, nhiều mặt hàng của Việt Nam đang cho thấy lợi thế và tiềm năng lớn trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp của Nam Phi còn hạn chế, nhu cầu đối với thực phẩm đa dạng hơn.

Đối với mặt hàng gạo (HS 1006)

Nam Phi là quốc gia duy nhất thuộc khu vực châu Phi phụ thuộc lớn vào nhập khẩu gạo. Theo dự báo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), dự kiến năm 2021, Nam Phi sẽ nhập khẩu khoảng 1 triệu tấn gạo, tăng 100.000 tấn so với năm 2019.

Trước những ảnh hưởng của dịch Covid-19, để đảm bảo an ninh lương thực, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu gạo, Nam Phi đã hỗ trợ nông dân trong việc nâng cao sản lượng gạo. Tuy nhiên, Nam Phi là quốc gia khan hiếm nước, việc sản xuất gạo của quốc gia này rất khó khăn, do đó, Nam Phi vẫn phải phụ thuộc vào gạo nhập khẩu, đây là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu gạo vào Nam Phi thời gian tới.

Đối với mặt hàng thủy sản (HS 1605)

Hàng thủy sản là một trong những mặt hàng có trị giá nhập khẩu lớn vào Nam Phi. Năm 2020, ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhập khẩu mặt hàng này vào Nam Phi giảm 29,4% so với năm 2019.

Riêng đối với chủng loại động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản (HS 1605), nhập khẩu chủng loại này vào Nam Phi giảm 15,9% trong năm 2020, tuy vậy, đây là mặt hàng

Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh tại Nam Phi khi đang chiếm tỷ trọng lớn nhất tại Nam Phi. Năm 2020, nhập khẩu chủng loại này vào Nam Phi giảm thì nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng 112,8% so với năm 2019.

Có thể thấy, mặt hàng thủy sản (mã HS 1605) đã và đang là mặt hàng đầy tiềm năng tại Nam Phi, Việt Nam có thể tận dụng cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Nam Phi thời gian tới.

Đối với mặt hàng hạt tiêu (HS 090411 và 090412)

Nhập khẩu hạt tiêu vào Nam Phi năm 2020 đạt 13,98 triệu USD, giảm 6,1% so với năm 2019. Tuy vậy, đây là mặt hàng nông sản của Việt Nam đang có tính cạnh tranh cao tại Nam Phi khi tỷ trọng chiếm 62,88% tổng trị giá nhập khẩu vào Nam Phi trong năm 2020, tăng từ mức 61,08% của năm 2019.

TIN VẤN

► Sau những nỗ lực kháng cáo của Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú, Cơ quan Hải quan Mỹ (CBP) đã hủy bỏ quyết định đã ban hành ngày 13/10/2020 về việc áp thuế chống phá giá với tôm Ấn Độ lên sản phẩm tôm xuất khẩu của doanh nghiệp này vào Mỹ. Theo đó, vào ngày 11/02/2021, CBP đã ra quyết định cho phép Minh Phú tiếp tục được xuất khẩu tôm đông lạnh vào Mỹ mà không phải chịu thêm thuế chống phá giá áp dụng cho tôm Ấn Độ hay bất kỳ loại thuế chống phá giá nào khác; đồng thời, Minh Phú cũng được hoàn lại các khoản thuế chống phá giá đã phải tạm nộp trước đó theo Quyết định ngày 13/10/2020.

► Theo Liên đoàn Công nghiệp Thái Lan (FTI), xuất khẩu thực phẩm của nước này trong năm 2020 đạt 980 tỷ Baht, giảm 4,1% so với năm 2019 (tương đương 31,3 tỷ USD, giảm 5,1%). Xuất khẩu lương thực của Thái Lan được dự báo sẽ phục hồi với mức tăng trưởng 7,1% trong năm 2021, đạt trị giá 1.050 tỷ Baht (khoảng 35 tỷ USD), nhờ nhu cầu tăng trên thị trường thế giới. Những yếu tố góp phần vào dự báo nói trên là sự gia tăng theo dự kiến về giá nông sản và thực phẩm, đặc biệt là đối với thịt gà, đường, các sản phẩm bột sắn và dứa, cũng như những biện pháp giám sát và an toàn nghiêm ngặt của Thái Lan để ngăn chặn sự lây lan của virus Corona và an toàn thực phẩm.

► Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Thái Lan, xuất khẩu cao su của Thái Lan trong năm 2020 đạt 4,6 triệu tấn (gồm cao

su mã HS: 4001; 4002; 4003; 4005), trị giá 192,5 tỷ Baht (tương đương 6,41 tỷ USD), giảm 4,4% về lượng và giảm 5,6% về trị giá so với năm 2019. Trong đó, xuất khẩu cao su sang Trung Quốc chiếm 58,38% tổng lượng cao su xuất khẩu của Thái Lan trong năm 2020 với 2,68 triệu tấn, trị giá 109,51 tỷ Baht, tăng 2,5% về lượng, nhưng giảm 0,1% về trị giá so với năm 2019. Trong năm 2020, Thái Lan xuất khẩu được 2,66 triệu tấn cao su tự nhiên (mã HS 4001), giảm 15,4% so với năm 2019, chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, Malaysia, Nhật Bản, Mỹ và Hàn Quốc. Ngược lại, xuất khẩu cao su tổng hợp (mã HS 4002) của Thái Lan tăng mạnh 18,8% so với năm 2019 lên mức 1,78 triệu tấn, với thị trường xuất khẩu chính gồm Trung Quốc, Malaysia, Việt Nam, Nhật Bản và Mỹ.

► Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Mỹ và Liên đoàn Xuất khẩu thịt Mỹ (USMEF), xuất khẩu thịt lợn của Mỹ trong năm 2020 đạt mức kỷ lục gần 3 triệu tấn, trị giá 7,71 tỷ USD, tăng 11% cả về lượng và kim ngạch so với mức kỷ lục đạt được năm 2019. Xuất khẩu thịt lợn của Mỹ đạt mức kỷ lục, nhờ nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh ở nhiều nước, nhất là Trung Quốc. Cụ thể, năm 2020 xuất khẩu thịt lợn của Mỹ sang Trung Quốc đạt 1,04 triệu tấn, tăng 56% so với năm 2019, kim ngạch tăng 63% lên 2,37 tỷ USD. Thị trường này chiếm khoảng 1/3 trong tổng lượng thịt xuất khẩu của Mỹ.